TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 16-5-2023.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Võ Tùng Chinh**.
+ Ông **Đoàn Văn Vui**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Quỳnh Như** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Chấm** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Chí H** - Sinh năm: 1993, địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

* *Bị đơn:* Chị **Lê Thị Ngọc T** - Sinh năm: 1994; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/11/2022, bản tự khai ngày 10/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Chí H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Ngọc T có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là thị trấn Phước Mỹ T), huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 10/01/2020 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay lừa dối. Anh và chị T chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể đoàn tụ được nên anh H yêu cầu ly hôn với chị T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Anh H yêu cầu được nuôi hai người con chung giữa anh với chị T là: Nguyễn Ngọc Bảo N - Sinh ngày 02/01/2020 và Nguyễn Lê Bảo N1 - Sinh ngày 03/3/2021 (cả hai người con hiện đang sống chung với anh H), không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H trình bày là không có.

Tại Bản tự khai ngày 10/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Lê Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị đồng ý với lời trình bày của anh H về việc kết hôn, do có bất đồng quan điểm sống nên giữa chị và anh H có tranh cãi và sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Chị không đồng ý ly hôn với anh H vì chị còn thương chồng, thương con, mong muốn được đoàn tụ để chăm lo cho chồng, con. Trong trường hợp Tòa án giải quyết chị và anh H phải ly hôn thì chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết chị và anh H phải ly hôn thì chị đồng ý để anh H nuôi hai người con chung là: Nguyễn Ngọc Bảo N - Sinh ngày 02/01/2020 và Nguyễn Lê Bảo N1 - Sinh ngày 03/3/2021 (cả hai người con hiện đang sống chung với anh H), chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Anh yêu cầu ly hôn với chị T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, yêu cầu được nuôi hai người con chung là: Nguyễn Ngọc Bảo N - Sinh ngày 02/01/2020 và Nguyễn Lê Bảo N1 - Sinh ngày

03/3/2021, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nợ.

Chị T cho rằng giữa anh chị có cự cãi, có sống ly thân, chị vẫn rất thương chồng, thương con nên không đồng ý ly hôn, nếu Tòa án giải quyết chị và anh H phải ly hôn thì chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, đồng ý để anh H nuôi hai người con chung là: Nguyễn Ngọc Bảo N - Sinh ngày 02/01/2020 và Nguyễn Lê Bảo N1 - Sinh ngày 03/3/2021, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, về nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

(1) Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Chí H được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc T.

(2) Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Chí H được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung giữa anh với chị T là: Nguyễn Ngọc Bảo N - Sinh ngày 02/01/2020 và Nguyễn Lê Bảo N1 - Sinh ngày 03/3/2021 (cả hai người con hiện đang sống chung với anh H), chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu.

(3) Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* với chị T có địa chỉ tại: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Anh H, chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là thị trấn Phước Mỹ T), việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[2.2] Anh H yêu cầu ly hôn nhưng chị T không đồng ý ly hôn. Nhận thấy, anh H và chị T không chung sống với nhau từ cuối năm 2021 mà không thể đoàn tụ được, giữa anh chị không còn có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà mạnh ai nấy sống, trong khi đó anh H kiên quyết ly hôn với chị T; từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh H với chị T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của anh H về việc ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh H yêu cầu được nuôi hai người con chung là Nguyễn Ngọc Bảo N - Sinh ngày 02/01/2020 và Nguyễn Lê Bảo N1 - Sinh ngày 03/3/2021, chị T cũng đồng ý để anh H nuôi hai người con nếu anh chị phải ly hôn, trong khi đó hai người con này đang sống chung với anh H nên giao cho anh H được quyền nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Anh H, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung và trình bày là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hồi đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên anh H phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Chí H, cụ thể:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Chí H được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc T.

2/ Về con chung:

Anh Nguyễn Chí H được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi hai người con chung giữa anh với chị Lê Thị Ngọc T là: Nguyễn Ngọc Bảo N - Sinh ngày 02/01/2020 và Nguyễn Lê Bảo N1 - Sinh ngày 03/3/2021 (cả hai người con hiện đang sống chung với anh H) cho đến khi hai người con đủ mười tám tuổi, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu.

Chị Lê Thị Ngọc T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở chị thực hiện quyền này. Trường hợp chị T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì anh H có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T.

Vì lợi ích của con chung, anh H, chị T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Chí H phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000680 ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Anh H, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND thị trấn B;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên